

Bản án số: **262/2025/HNGĐ-ST**.

Ngày: 11-8-2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đỗ Thị Hòa và bà Lê Lan Chi;**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Lê Khánh Duy.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Đặng Thị Sơn Cầm** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, về việc: Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 174/2025/QĐXX-ST ngày 04-6-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2025/QĐ-HPT ngày 26-6-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2025/QĐ-HPT ngày 15-7-2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn M**, sinh năm 1971; HKTT: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, thành phố H (Nay là thôn Đ, xã T, thành phố H); Chỗ ở hiện nay: Na Krete 411 Hýskov, Cộng hòa Séc.

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976; Nơi thường trú: và chỗ ở: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Nay là thôn Đ, xã T, thành phố H);

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các văn bản gửi Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 14-02-1995 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Thôn Đ, xã L, huyện Đ, thành phố H. Đến năm 2008, vì điều kiện kinh tế gia đình, ông xuất cảnh sang Cộng hòa Séc để làm ăn, sinh sống. Khoảng thời gian đầu khi xuất cảnh ra nước ngoài

làm việc, tình cảm vợ chồng vẫn hạnh phúc, ông thường xuyên gọi về cho bà H để quan tâm, hỏi thăm vợ và con cái. Đến năm 2013 thì ông và bà H bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bắt đầu có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vì khoảng cách địa lý xa xôi, ông và bà H lại không có điều kiện gần gũi, quan tâm nhau nên mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều. Mặc dù ông cũng nhiều lần chủ động tìm cách hòa giải, hàn gắn những mâu thuẫn và cũng được gia đình hai bên tạo điều kiện để hàn gắn nhưng không có kết quả. Đến ngày 29 tháng 12 năm 2024, ông nhập cảnh vào Việt Nam để về quê thăm gia đình và dự kiến sẽ xuất cảnh vào ngày 10 tháng 02 năm 2025. Trong thời gian này, ông có nhiều lần đề nghị bà H giải quyết ly hôn nhưng bà H không hợp tác để giải quyết. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn không có khả năng đoàn tụ yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là: cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 27/6/1999; cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 23/8/2003 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 01/12/2006. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, việc ở với ai do con chung tự quyết định, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến tham gia phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt hợp lệ. Tại đơn đề nghị, ông M giữ nguyên ý kiến yêu cầu đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M là người Việt Nam, hiện ở nước ngoài, bị đơn bà Nguyễn Thị H đang cư trú tại thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn đã đảm bảo thủ tục theo quy định.

Về nội dung: Về tình cảm: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M.

Về con chung: Xác nhận ông M và bà H có 03 con chung là: cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 27/6/1999; cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 23/8/2003 và

cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 01/12/2006. Hiện nay con chung đều đã trưởng thành, việc ở với ai do con chung tự quyết định, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Ông Nguyễn Văn M là người Việt Nam, hiện ở nước ngoài, bị đơn bà Nguyễn Thị H đang cư trú tại thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị H nhưng bà H vắng mặt không đến tham gia phiên tòa (Ngày 05/5/2025, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt). Ông Nguyễn Văn M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Về tình cảm: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 14-02-1995 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của xin ly hôn của ông M, HĐXX thấy:

Căn cứ lời trình bày của ông M cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện:

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không sống chung nên không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, gắn kết. Mâu thuẫn không được khắc phục và vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn không có khả năng đoàn tụ yêu cầu được ly hôn với bà H. Bà H đồng ý ly hôn ông M với điều kiện chờ con chung lập gia đình xong. Như vậy, với thực trạng hôn nhân

của ông bà như hiện nay thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông M với bà H là có căn cứ cần được chấp nhận. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn M đối với bà Nguyễn Thị H. Quan điểm của bà H chỉ đồng ý ly hôn với ông M khi con chung đã lập gia đình là không có căn cứ nên không được xem xét.

[2.2]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có 03 con chung là: cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 27/6/1999; cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 23/8/2003 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 01/12/2006. Hiện nay con chung đã trưởng thành, việc ở với ai do con chung tự quyết định, ông bà không yêu cầu nên không xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Văn M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H có 03 con chung là: cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 27/6/1999; cháu Nguyễn Thúy H, sinh ngày 23/8/2003 và cháu Nguyễn Bá H, sinh ngày 01/12/2006. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, việc ở với ai do con chung tự quyết định, Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông M và bà H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về nợ: Ông M và bà H không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0079038 ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Văn M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn của đương sự;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tú